

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Tiến Hùng, ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương,
tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ
ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6
năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt và có đơn đề
nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn đề
nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị
Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T kết hôn anh Phạm Văn H với nhau ngày 05/01/2010, có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
Sau khi kết hôn vợ chồng chị T sống hạnh phúc bên nhau được một thời gian
ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nguyên

nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng chị T là do tính cách 02 (hai) người không hợp nhau, cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H có 01 người con chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 26/6/2011. Khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng với chị T tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, đã có bản tự khai và đơn đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án. Anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 05/01/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh H là do tính cách 02 (hai) người không hợp nhau, cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị T có 01 người con chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 26/6/2011. Khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng với chị T tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn với chị T anh H đề nghị Tòa án giao con theo nguyện vọng của con.

Về tài sản: Anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2022, con chung của chị T và anh H là cháu Phạm Quốc H trình bày: Cháu H là có mẹ là Nguyễn Thị T, bố là Phạm Văn H, bố mẹ cháu đã sống ly thân từ năm 2013. Từ nhỏ đến nay cháu H ở với mẹ nên khi bố mẹ ly hôn cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Phạm Văn H cư trú tại Xóm Tân Thịnh, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Phạm Văn H đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, việc giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét đề nghị của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn và nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau ngày 05/01/2010 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp lệ theo quy định của pháp luật, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bên nhau. Tuy nhiên, đến cuối năm 2011 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, thường xuyên xảy ra cãi vã không tôn trọng nhau, chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay và từ đó mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, giữa chị T và anh H không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Xét tình cảm giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 26/6/2011. Xét đề nghị của chị T về việc được trực

tiếp nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Khi chị T và anh H sống ly thân cháu H sống cùng với chị T tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; mặt khác tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu H đã trên 07 tuổi, quá trình giải quyết vụ án cháu H có nguyện vọng được ở với chị T và anh H đề nghị giao con theo nguyện vọng của con. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị T giao con chung Phạm Quốc H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung giao Phạm Quốc H, sinh ngày 26/6/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn H.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002442 ngày 16/3/2022 tại Chi cục THANDS huyện Đô Lương).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã G, huyện Đ;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Duy Phi